

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hà Nội - Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION

Tên viết tắt: MIE

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên Hội đồng quản trị

(Từ nhiệm kể từ ngày 24/12/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên Ban Kiểm soát

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhằm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm và đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được ghi chép phù hợp, phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan đến quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty, luôn thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Khắc Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 323 /2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP

Kính gửi: **Các Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 7 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- 1- Như đã trình bày tại Mục 5.07, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, công nợ phải thu tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật bao gồm một số khoản công nợ tồn đọng đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp cũng như khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, công ty mẹ và bốn công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. ✓
- 2- Cũng được trình bày tại Mục 5.07, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do chưa có bản án cuối cùng để xác định nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên có liên quan trong vụ án đang được điều tra nên Tổng Công ty chưa có cơ sở để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. ✓

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. ✓

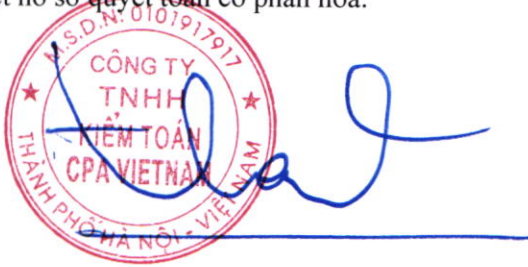
Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Mục 1.1, Thuyết minh Báo cáo tài chính, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2019, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng cân đối kế toán là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định. ✓

Như đã trình bày tại Mục 7.03, Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán, có phân loại và điều chỉnh một số chỉ tiêu cho phù hợp. ✓

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Vấn đề khác**

Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Tổng Công ty chưa thực hiện bàn giao phần vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần do chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa.



A blue ink signature, likely of Nguyễn Trung Khánh, written in a cursive style.

Phan Huy Thắng**Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network***Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020*

Nguyễn Trung Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

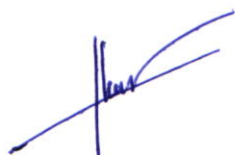
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.301.502.006.015	1.441.402.645.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	71.966.134.778	88.981.907.416
1. Tiền	111		38.173.591.889	43.461.053.375
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.792.542.889	45.520.854.041
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		134.663.023.973	206.543.410.508
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.02	1.467.630.000	1.467.630.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.03	133.195.393.973	205.075.780.508
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		735.293.776.406	779.860.802.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.04	617.627.521.515	640.656.522.565
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		70.429.933.982	95.991.564.035
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.05	805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.06	97.477.462.470	93.446.121.994
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.04	(51.046.641.561)	(51.038.905.918)
IV. Hàng tồn kho	140	5.08	307.112.848.703	310.029.112.482
1. Hàng tồn kho	141		308.280.220.373	310.029.112.482
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.167.371.670)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.466.222.155	55.987.412.361
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.14	903.399.791	296.689.907
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.893.587.404	49.757.933.672
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	669.234.960	5.932.788.782
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		1.039.693.259.772	1.018.190.729.978
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.284.089.024	2.523.660.019
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.06	2.284.089.024	2.523.660.019
II. Tài sản cố định	220		704.190.173.974	724.463.983.203
I. Tài sản cố định hữu hình	221	5.09	668.703.975.135	687.978.609.839
- Nguyên giá	222		992.747.792.713	973.066.608.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(324.043.817.578)	(285.087.998.322)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	35.486.198.839	36.485.373.364
- Nguyên giá	228		39.650.654.206	39.650.654.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.164.455.367)	(3.165.280.842)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	29.142.152.381	30.027.668.537
- Nguyên giá	231		33.027.988.644	33.027.988.644
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.885.836.263)	(3.000.320.107)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.12	106.731.444.335	69.868.180.725
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		106.731.444.335	69.868.180.725
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	74.443.435.059	77.216.925.949
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		54.396.459.553	54.394.441.443
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.046.975.506	22.712.484.506
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	259		-	110.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		122.901.964.999	114.090.311.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	122.901.964.999	114.090.311.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		2.341.195.265.787	2.459.593.375.422

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		929.490.579.638	1.047.001.761.736
I. Nợ ngắn hạn	310		754.458.356.897	914.638.402.190
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	189.266.978.767	230.387.536.305
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.878.190.304	103.779.734.485
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	46.785.669.419	42.418.865.123
4. Phải trả người lao động	314		84.132.249.025	129.301.858.714
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	16.894.235.734	58.112.488.743
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		98.836.775	98.836.775
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	1.420.253.792	1.333.001.692
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	42.879.832.646	55.611.297.638
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	271.932.424.157	287.779.765.050
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		721.251.110	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.448.435.168	5.815.017.665
II. Nợ dài hạn	330		175.032.222.741	132.363.359.546
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17	44.488.229.193	1.794.693.736
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	129.629.896.729	129.232.678.151
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	914.096.819	1.335.987.659
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.411.704.686.149	1.412.591.613.686
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	1.411.704.686.149	1.412.591.613.686
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.783.409	649.783.409
4. Lợi nhuận chưa phân phối <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối</i> <i>kỳ trước</i>	421		(12.464.477.711)	(11.542.744.051)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421a		(14.569.504.942)	(14.699.831.022)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		2.105.027.231	3.157.086.971
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		6.087.272.413	6.052.466.290
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.341.195.265.787	2.459.593.375.422

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính Kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	1.359.933.603.527	1.387.942.796.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			89.611.527
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.359.933.603.527	1.387.853.184.826
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	1.257.022.036.823	1.291.853.861.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		102.911.566.704	95.999.323.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	20.137.663.795	22.773.020.528
7. Chi phí tài chính	22	6.04	18.099.673.185	16.715.334.312
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			17.585.037.221	16.960.595.338
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.018.110	11.297.337
9. Chi phí bán hàng	25	6.05	4.559.410.148	4.700.702.553
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	94.338.783.923	94.954.753.216
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
11. doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		6.053.381.353	2.412.851.500
12. Thu nhập khác	31	6.07	7.422.763.101	12.430.203.573
13. Chi phí khác	32	6.08	4.421.010.245	7.556.328.685
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.001.752.856	4.873.874.888
Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế				
15. (50 = 30 + 40)	50		9.055.134.209	7.286.726.388
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.09	1.911.849.910	1.894.253.387
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		7.143.284.299	5.392.473.001
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		42.245.697	32.429.570
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		7.101.038.602	5.360.043.431
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	15	24

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính Kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		9.055.134.209	7.286.726.388
2. Điều chỉnh cho các khoản		39.653.648.809	32.645.421.592
- Khấu hao TSCĐ	02	38.973.700.888	28.830.169.002
- Các khoản dự phòng	03	1.896.358.423	(926.849.263)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	299.698.130	43.796.278
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19.087.721.804)	(12.262.289.763)
- Chi phí lãi vay	06	16.392.791.777	16.960.595.338
- Các khoản điều chỉnh khác		1.178.821.395	-
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.708.783.018	39.932.147.980
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	14.794.029.880	(54.480.733.860)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	1.921.187.112	7.896.994.689
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải thu thuế thu nhập phải nộp)	11	(92.380.234.400)	75.639.816.211
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.983.865.715)	(9.115.142.266)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.564.429.331)	(17.013.244.955)
- Thuế TNDN đã nộp	15	(3.045.011.186)	(400.176.034)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.831.992.169	3.428.845.016
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.047.479.041)	(15.617.344.297)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(55.765.027.494)	30.271.162.486
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(37.532.079.693)	(168.602.299.066)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	360.181.818	801.204.290
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(126.196.451.559)	(209.154.273.703)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	201.810.599.520	258.050.616.479
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.665.509.000	638.090.107
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.493.717.030	20.136.416.664
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	59.601.476.116	(98.130.245.229)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	517.318.421.264	645.954.866.703
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(538.209.560.211)	(578.395.734.012)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.891.138.947)	67.559.132.691

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(17.054.690.325)	(299.950.052)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	88.981.907.416	89.329.570.883
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	38.917.687	(47.713.415)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	71.966.134.778	88.981.907.416

Người lập biểu

Nguyễn Hữu Hiền

TB. Tài chính Kế toán

Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Hải

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11 tháng 05 năm 2017 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION

Tên viết tắt là: MIE

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*) chia làm 141.991.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 là 1.418.634.488.001 đồng.

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán 1.280.511.999 đồng là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

Dựa trên số lượng cổ phần đang nắm giữ, cơ cấu cổ đông tại 31/12/2019 như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	99,5726%
Cán bộ CNV	537.820	0,3788%
Nhà đầu tư khác	69.000	0,0486%
- Tổ chức	20.000	0,0141%
- Cá nhân	49.000	0,0345%
Cộng	141.991.500	100,00%

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
I.	Văn Phòng Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị; - Sản xuất các cấu kiện kim loại.	100%
II.	Đơn vị trực thuộc		
1.	Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; - Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%
2.	Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; - Đóng tàu và cấu kiện nổi; - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%
3.	Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; - Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	100%
III.	Công ty con		
1.	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghiệp; - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản; - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư.	100%
2.	Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực; - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng.	100%
3.	Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	- Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%
4.	Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; - Môi giới thương mại ...	100%

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp Theo)

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
III. Công ty con (tiếp theo)			
5.	Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	- Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình; - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;	98,189%
6.	Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí.	51%
IV. Công ty liên kết			
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn Hà Nội	- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn, dự án đầu tư...	20%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty và các Công ty con áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

c. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	Năm 2019
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời gian trên 01 năm. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước tiền lương nhân viên;
- Chi phí thuê phụ trích trước trên cơ sở các dự án đã có nghiệm thu khối lượng và ghi nhận doanh thu dẫn tới kết chuyển chi phí giá vốn tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con.
- Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam. Tại Báo cáo tài chính năm 2019, Tổng Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận và sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Tổng công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Chênh lệch phát sinh từ giao dịch mua rẻ do giá phí khoản đầu tư vào công ty con thấp hơn so với phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần tại ngày mua của các công ty con được ghi nhận lãi trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu (tiếp theo)

- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc lỗ, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, chi phí quản lý cấp trên, chi phí cung cấp dịch vụ cho công ty con... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, cụ thể:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh;
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách;
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh;
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách lấy lợi nhuận thuần sau thuế TNDN hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi các khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi, cổ tức phải trả cho cổ đông ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận (tiếp Theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất nói chung.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	6.226.667.442	3.860.091.493
Tiền gửi ngân hàng	31.946.924.447	39.600.961.882
Các khoản tương đương tiền (<i>TGNH có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>)	33.792.542.889	45.520.854.041
Tổng cộng	71.966.134.778	88.981.907.416

5.02 Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019			01/01/2019		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty TNHH MTV						
XNK sản phẩm cơ khí	1.467.630.000	1.467.630.000	-	1.467.630.000	1.467.630.000	-
CONTREXIM (7625 CP)	378.200.000	378.200.000	-	378.200.000	378.200.000	-
ABBANK (24.164 CP)	1.089.430.000	1.089.430.000	-	1.089.430.000	1.061.640.000	-
Tổng cộng	1.467.630.000	1.467.630.000	-	1.467.630.000	1.467.630.000	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN****5.03 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)**

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Văn Phòng Tổng Công ty	45.000.000.000	45.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	42.000.000.000	42.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	3.000.000.000	3.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	56.995.393.973	56.995.393.973	153.712.414.425	153.712.414.425
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành Phố Hồ Chí Minh	56.995.393.973	56.995.393.973	77.100.000.000	77.100.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	75.000.000.000	75.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	1.612.414.425	1.612.414.425
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	11.500.000.000	11.500.000.000	3.413.366.083	3.413.366.083
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	11.500.000.000	11.500.000.000	3.413.366.083	3.413.366.083
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	19.700.000.000	19.700.000.000	15.950.000.000	15.950.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	10.700.000.000	10.700.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	-	-	10.950.000.000	10.950.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	9.000.000.000	9.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	133.195.393.973	133.195.393.973	205.075.780.508	205.075.780.508

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.04 Phải thu khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn	617.627.521.515	51.046.641.561	640.656.522.565	51.038.905.918
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.491.536.950	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.954.923.370	-	43.004.923.370	-
Công ty CP Thương mại CITICOM	10.929.653.515	-	12.126.832.200	-
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	33.156.548.333	-	-	-
Tổng Công ty CP Thương mại Xây dựng	6.213.468.679	-	26.213.468.679	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.296.370.548	2.296.370.548	2.596.370.548	2.596.370.548
Công ty CP Cơ khí Điện lực	2.342.718.153	2.342.718.153	2.742.718.153	2.542.718.153
Công ty CP Cơ khí 41 Thăng	3.660.199.217	-	10.040.116.020	-
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	11.952.117.110	-	26.812.839.068	-
Công ty CP Kim khí Miền Bắc	-	-	24.075.190.744	-
Công ty CP Quốc tế Minh Hải	9.864.340.310	-	11.279.481.840	-
Công ty CP Thủy điện Sông Danieli & COFFICINE	2.377.707.853	-	13.123.709.849	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	10.790.413.970	-	1.894.455.711	-
Công ty CP Thép Hà Nội {*}	14.267.811.322	-	-	-
Công ty TNHH ABB	27.264.461.695	-	27.264.461.695	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh {**}	6.655.886.205	-	6.477.533.428	-
Công ty CP TM&SX Thiên Hoàng Long	3.230.706.858	-	3.230.706.858	-
Công ty TNHH TN và XD Thái Phát	18.249.601.843	-	18.262.101.843	-
Công ty TNHH KD và PT TM Hoàng Ngân	5.684.637.019	-	9.687.702.404	-
Công ty TNHH Kinh Doanh XNK H&Q	3.330.262.380	-	7.230.262.380	-
Công ty TNHH XNK TM Đại Hồng Phát	5.370.853.000	-	11.083.853.000	-
Công ty TNHH WOOD BRICKET Việt Nam	-	-	9.767.046.000	-
Công ty CP ĐT và PT Thương Mại Đức Tín	18.935.087.463	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.243.670.250	-	-	-
Công ty South Capital Company Limited	10.826.251.976	-	10.826.251.976	-
Công ty TNHH ĐT Công nghệ và TM Việt Nam	17.058.535.870	-	17.058.535.870	-
Công ty TNHH 289	28.315.360.500	-	28.315.360.500	-
Công ty CP Nam Vang	60.951.769.610	29.392.227.062	65.096.107.196	29.392.227.062
Công ty CP DV&KTTH - HCD	48.286.854.941	15.124.777.157	48.636.854.941	15.124.777.157
Công ty CP Thép Hoà phát Dung Quất	20.624.785.509	-	19.481.530.152	-
Đối tượng khác	9.594.516.209	-	39.832.041.319	-
Phải thu dài hạn	162.706.470.857	1.890.548.641	144.496.066.820	1.382.812.998
Tổng cộng	617.627.521.515	51.046.641.561	640.656.522.565	51.038.905.918

{*}: Được trình bày chi tiết tại Mục 5.07.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.05 Phải thu nội bộ

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	805.500.000	-	805.500.000	-
Công ty CP Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	-	637.500.000	-
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam	168.000.000	-	168.000.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	805.500.000	-	805.500.000	-

5.06 Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	97.477.462.470	-	93.446.121.994	-
Chi phí cổ phần hóa	5.234.084.019	-	4.926.195.383	-
Phải thu về BHXH, BHYT, KPCĐ	162.496.453	-	207.751.863	-
Phải thu người lao động Công ty CP Đầu tư Xây dựng và TM Phú Điền	168.277.281	-	-	-
Ông Nguyễn Duy Xuyên {*}	-	-	4.500.000.000	-
Cục Hải quan thành phố Hải Phòng {*}	48.134.425.710	-	48.302.702.991	-
Ký quỹ, ký cược	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
Phải thu khác	8.871.851.806	-	228.358.619	-
Tạm ứng	11.279.545.143	-	12.532.213.617	-
Dài hạn	2.284.089.024	-	2.523.660.019	-
Ký cược, ký quỹ	17.511.365.126	-	16.633.482.589	-
Tiền GPMB chờ bù trừ với tiền thuê đất hàng năm	179.000.000	-	186.500.000	-
2.105.089.024	-	2.337.160.019	-	
Tổng cộng	99.761.551.494	-	95.969.782.013	-

{*}: Được trình bày chi tiết tại Mục 5.07

5.07 Một số khoản công nợ phải thu chưa được xử lý

Khoản mục	31/12/2019
	VND
Tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật {1}	65.154.909.973
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>59.039.493.041</i>
Công ty TNHH ARICPARK	273.510.681
Công ty CP Hóa chất Nhựa Việt	2.405.892.449
Công ty CP Đầu tư và PTCN Hưng Thịnh	10.826.251.976
Công ty TNHH Giang Hà Anh	240.000.000
Công ty Thiết kế và Chuyên giao Công nghệ Cơ khí	179.900.000
Công ty TNHH Thương mại Hà Thành	4.685.073.520
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hòa Phát	150.305.105
Công ty TNHH Huy Phát	2.897.337.286
Công ty TNHH Nhựa Việt	693.710.560
Công ty TNHH Thăng Long	3.292.520.000
Công ty TNHH Đông Phương	2.981.124.369
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ và Thương mại Việt Nam	28.315.360.500
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn Thông - TST	536.796.117
Công ty XNK Châu Á	761.856.622
Công ty EFITJS Co.,Ltd	799.853.856
<i>Phải thu khác</i>	<i>6.115.416.932</i>
Cục Hải quan Thành phố Hải Phòng	6.115.416.932
Tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí {2}	20.549.503.289
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>20.549.503.289</i>
Công ty TNHH Trà - Cà phê Trường Thọ	1.206.227.898
Công ty TNHH Hoàng Nam	6.683.910.393
Chi nhánh Công ty TNHH TM và DV Sài Gòn CALI	8.028.886.473
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên	4.045.239.997
Công ty CP Cà phê HASA	585.238.528
Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung {3}	78.629.594.263
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>30.495.168.553</i>
Công ty CP Thép Hà Nội	27.264.461.695
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh	3.230.706.858
<i>Phải thu khác</i>	<i>48.134.425.710</i>
Ông Nguyễn Duy Xuyên	48.134.425.710
Tổng cộng	164.334.007.525

{1} Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Techno Import) và bao gồm khoản phải thu khách hàng với số tiền là 59.039.493.041 đồng và 6.115.416.932 đồng quá hạn thanh toán tính đến 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty). Trong đó, khoản công nợ phải thu khách hàng phát sinh từ những giao dịch bán hàng hóa. Khoản công nợ phải thu khác được trình bày cụ thể như sau:

Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu đầy đủ theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/04/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) – Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004-2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước. ✓

Ngày 24/11/2014, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 đồng của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật. ✓

Ngày 12/06/2015, Bộ Tài chính đã có văn bản số 7818/BTC-TCDN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu “Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. ✓

Thông tin bổ sung về việc thoái vốn tại Techno Import: ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport. Ngày 22/06/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/08/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty TechnoImport. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tổng công ty đang hoàn tất quá trình thoái vốn tại Công ty TechnoImport. ✓

Như vậy, đây là những khoản công nợ đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa). Hiện tại, công ty này cùng với công ty mẹ đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền và thực hiện thoái vốn theo chủ trương, do vậy, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

{2} Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí với số tiền là 20.549.503.289 đồng là khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng mua hàng hóa. Tuy nhiên, hợp đồng đã bị hủy mà Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa thu hồi được. Tương tự như Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật, khoản công nợ này cũng phát sinh và tồn đọng trước ngày 30/09/2014 nhưng chưa được xử lý tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và đang chờ các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

{3} Khoản công nợ tồn tại tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung bao gồm nợ phải thu khách hàng và phải thu khác với số tiền lần lượt là 30.945.168.553 đồng và 48.134.425.710 đồng. Đây là hai khoản công nợ có liên quan đến vụ án và cùng một đối tượng là ông Nguyễn Duy Xuyên – nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp – đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị tạm giam để điều tra do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/04/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/09/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự. Theo bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14 - 15/08/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29 - 30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/07/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/09/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật hình sự 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2013, ông Nguyễn Duy Xuyên xác nhận đã mượn tiền của Công ty TNHH SX và TM Thế Anh với số tiền 3.250.000.000 đồng (Giấy mượn tiền) và Công ty TNHH SX và TM Thế Anh sẽ thanh toán khoản công nợ phải thu với số tiền là 3.230.706.858 đồng (phải thu phát sinh từ giao dịch cung cấp thép) cho Xí Nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp khi ông Xuyên trả lại số tiền đã mượn. Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/01/2014, Công ty Công ty TNHH SX và TM Thế Anh có đề nghị bù trừ công nợ. Tuy nhiên, do ông Xuyên đang bị tạm giam điều tra nên việc bù trừ này chưa được thực hiện.

Do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu nên Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này.

5.08 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.759.004.403	-	41.220.924.965	-
Công cụ, dụng cụ	6.697.786.680	257.235.806	6.051.436.482	-
CPSX kinh doanh dở dang	192.712.620.456	77.077.999	192.095.337.904	-
Thành phẩm	47.833.032.801	833.057.865	38.194.540.648	-
Hàng hóa	31.560.599.703	-	30.845.691.745	-
Hàng gửi đi bán	1.717.176.330	-	1.621.180.738	-
Tổng cộng	308.280.220.373	1.167.371.670	310.029.112.482	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.09 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2019	548.086.554.674	379.491.515.798	41.559.704.413	1.534.573.276	2.394.260.000	973.066.608.161
Tăng trong năm	10.890.494.112	5.066.115.000	4.891.599.093	212.095.909	-	21.060.304.114
Mua trong năm	-	5.066.115.000	4.046.833.936	212.095.909	-	9.325.044.845
XDCB hoàn thành	10.890.494.112	-	-	-	-	10.890.494.112
Tăng khác	-	-	844.765.157	-	-	844.765.157
Giảm trong năm	-	34.063.800	1.304.805.762	40.250.000	-	1.379.119.562
Thanh lý, nhượng bán	-	34.063.800	1.304.805.762	40.250.000	-	1.379.119.562
Tại ngày 31/12/2019	558.977.048.786	384.523.566.998	45.146.497.744	1.706.419.185	2.394.260.000	992.747.792.713
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2019	95.667.790.352	167.200.838.338	21.042.407.228	1.154.277.100	22.685.304	285.087.998.322
Tăng trong năm	18.751.875.881	17.668.749.905	3.518.804.529	119.438.670	59.856.500	40.118.725.485
Khấu hao trong năm	18.159.273.941	17.668.749.905	3.518.804.529	119.438.670	59.856.500	39.526.123.545
Tăng khác	592.601.940	-	-	-	-	592.601.940
Giảm trong năm	-	34.063.800	1.088.592.429	40.250.000	-	1.162.906.229
Thanh lý, nhượng bán	-	34.063.800	1.088.592.429	40.250.000	-	1.162.906.229
Tại ngày 31/12/2019	114.419.666.233	184.835.524.443	23.472.619.328	1.233.465.770	82.541.804	324.043.817.578
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	452.418.764.322	212.290.677.460	20.517.297.185	380.296.176	2.371.574.696	687.978.609.839
Tại ngày 31/12/2019	444.557.382.553	199.688.042.555	21.673.878.416	472.953.415	2.311.718.196	668.703.975.135

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2019	37.220.221.480	2.430.432.726	39.650.654.206
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	37.220.221.480	2.430.432.726	39.650.654.206
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2019	2.529.440.178	635.840.664	3.165.280.842
Tăng trong năm	812.581.872	186.592.653	999.174.525
Khấu hao trong năm	812.581.872	186.592.653	999.174.525
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	3.342.022.050	822.433.317	4.164.455.367
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	34.690.781.302	1.794.592.062	36.485.373.364
Tại ngày 31/12/2019	33.878.199.430	1.607.999.409	35.486.198.839

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.11 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2019	33.027.988.644	33.027.988.644
Tăng trong năm	-	-
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 01/01/2019	33.027.988.644	33.027.988.644
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2019	3.000.320.107	3.000.320.107
Tăng trong năm	885.516.156	885.516.156
Khấu hao trong năm	885.516.156	885.516.156
Tại ngày 31/12/2019	3.885.836.263	3.885.836.263
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2019	30.027.668.537	30.027.668.537
Tại ngày 31/12/2019	29.142.152.381	29.142.152.381

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2019, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nên chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Để xác định giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một đơn vị định giá độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được đơn vị định giá phù hợp để thực hiện công việc này.

5.12 Tài sản dở dang

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang	106.731.444.335	106.731.444.335	69.868.180.725	69.868.180.725
DA di dời và xây dựng nhà máy mới tại KCN Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	2.301.765.534	2.301.765.534	8.208.885.764	8.208.885.764
Chi phí của dự án "Di chuyển cải tạo và nâng cấp năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	4.924.730.849	4.924.730.849	4.924.730.849	4.924.730.849
Dự án Di chuyển và xây dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	99.504.947.952	99.504.947.952	56.734.564.112	56.734.564.112
Tổng cộng	106.731.444.335	106.731.444.335	69.868.180.725	69.868.180.725

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2019 VND			01/01/2019 VND		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh			52.623.507.495		-	52.623.507.495		-
Liên doanh tòa nhà IBC Trảng Thi			23.507.495	(*)	-	23.507.495	(*)	-
Công ty CP Công Đoàn giấy			100.000.000	(*)	-	100.000.000	(*)	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia {1}	2,149%	2,149%	52.500.000.000	(*)	-	52.500.000.000	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên kết			1.772.952.058			1.770.933.948		
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội {2}	20%	20%	1.772.952.058	(*)	-	1.770.933.948	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			20.046.975.506			22.712.484.506		
Công ty CP Đá Mài Hải Dương {3}	2,22%	2,22%	3.381.542.806	(*)	-	3.381.542.806	(*)	-
Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng {4}	10%	10%	1.432.012.200	(*)	-	1.432.012.200	(*)	-
Công ty CP Café SAHA			850.000.000	(*)	-	850.000.000		-
Công ty CP Xi măng Đồng Bành {5}	10,37%	10,37%	14.383.360.000	(*)	-	14.383.360.000	(*)	-
- <i>Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP {5a}</i>			1.478.360.000	(*)	-	1.478.360.000	(*)	-
- <i>Vốn góp của các cổ đông khác {5b}</i>			12.905.000.000	(*)	-	12.905.000.000	(*)	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam			60.500	60.500	-	2.665.569.500	2.665.569.500	-
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn			-		-	110.000.000		-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng			-		-	110.000.000	(*)	-
Tổng cộng			74.443.435.059		-	77.216.925.949		-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

{1}: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 đồng. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sáng lập Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thành phố Địa ốc Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu là 2,149%.

{2}: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng. Tại ngày 31/12/2019, căn cứ vào Báo cáo tài chính đã thu thập được, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đã bao gồm phần lãi, lỗ từ ngày đầu tư đến ngày 31/12/2019.

{3}: Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng. Tại ngày 31/12/2019, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 đồng.

{4}: Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/05/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Hiện nay, Tổng Công ty đang thực hiện quá trình thoái hết phần vốn tại Công ty này.

{5} Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Tại ngày 30/09/2014, khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

{5a}: là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty.

{5b}: là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.14 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	903.399.791	296.689.907
Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	835.169.123	284.440.018
Các khoản khác	68.230.668	12.249.889
Dài hạn	122.901.964.999	114.090.311.545
Tiền thuê đất trả trước	73.789.994.643	75.404.340.646
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.661.404.715	3.143.113.901
Trợ cấp mất việc làm	-	1.707.004.000
Chi phí xây dựng hạ tầng	6.880.000.000	6.880.000.000
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	9.904.762.731	10.022.421.099
Khác	23.565.813.110	16.933.431.899
Cộng	123.805.364.790	114.387.001.452

5.15 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngắn hạn	189.266.978.767	177.863.118.176	230.387.536.305	218.983.675.714
Công ty CP Thương mại CITICOM	9.702.272.149	9.702.272.149	19.918.964.166	19.918.964.166
Guilin Guiye Industrial Co.,	10.131.506.879	10.131.506.879	10.096.615.767	10.096.615.767
TVM Trading Company Limited	5.908.671.296	5.908.671.296	10.550.363.706	10.550.363.706
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ tổng hợp GES	9.550.771.669	9.550.771.669	2.214.571.733	2.214.571.733
Tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp {*}	11.403.860.591	-	11.403.860.591	-
Công ty CP Thép hình Hà Nội	-	-	5.000.048.427	5.000.048.427
Công ty CP kinh doanh thép hình	8.187.260.966	8.187.260.966	1.983.478.550	1.983.478.550
Công ty TNHH đầu tư sản xuất Hưng Long	5.010.523.135	5.010.523.135	2.801.854.138	2.801.854.138
Công ty TNHH Z179	4.860.370.249	4.860.370.249	17.821.354.249	17.821.354.249
Công ty CP Vật tư Thiết bị kỹ thuật Toàn bộ	18.566.644.657	18.566.644.657	262.620.600	262.620.600
Đối tượng khác	105.945.097.176	105.945.097.176	148.333.804.378	148.333.804.378
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	189.266.978.767	177.863.118.176	230.387.536.305	218.983.675.714

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

{*}: Như đã trình bày tại Mục 5.07 và liên quan đến vụ án đang được điều tra tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Giám đốc xí nghiệp là ông Nguyễn Duy Xuyên đang bị giam giữ để điều tra vì có những dấu hiệu cố ý làm sai quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế và gây ra hậu quả nghiêm trọng. Khoản nợ phải trả các đối tượng gồm: Công ty Minh Bạch: 3.110.952.400 đồng; Công ty CP Thép Á Châu: 3.465.841.933 đồng; NM Thép Việt Mỹ- Công ty TNHH Minh Bạch: 1.565.485.884 đồng; Công ty TNHH MTV Xây lắp và VLXD: 3.261.580.374 đồng. Tại 31/12/2019, khoản công nợ này xác định khó có khả năng chi trả.

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**a. Phải thu**

	01/01/2019 VND	Phải thu VND	Đã thu/ đã khấu trừ VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	37.247.407	112.239.763	22.658.417	126.828.753
+ Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	37.247.407	112.239.763	22.658.417	126.828.753
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	302.187	302.187	-
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	5.280.586.771	50.000.001	5.280.586.771	50.000.001
Thuế thu nhập cá nhân	153.845.750	9.000.000	56.871.675	105.974.075
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	340.828.808	89.746.860	163.087.583	267.488.085
Các loại thuế khác	26.424.000	25.088.000	26.424.000	25.088.000,00
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.416.121	-	-	93.416.121
Tổng cộng	5.932.788.782	286.376.811	5.549.930.633	669.234.960

b. Phải nộp

	01/01/2019 VND	Phải thu VND	Đã thu/ đã khấu trừ VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.393.966.872	13.784.202.965	14.070.933.776	17.107.236.061
+ Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước	16.512.979.856	6.040.893.567	6.327.624.378	16.226.249.045
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	880.987.016	7.743.309.398	7.743.309.398	880.987.016
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	38.882.308	38.882.308	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	1.018.228.034	1.018.228.034	2.209.306.104
Thuế TNDN	1.169.678.783	9.368.181.292	8.292.336.991	2.245.523.084
Thuế TNCN	284.557.575	1.239.507.629	1.164.875.017	359.190.187
Thuế tài nguyên				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	8.033.532.870	5.326.359.218	3.211.487.897	10.148.404.191
Các loại thuế khác	71.446.795	1.654.150.238	1.722.497.033	3.100.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.571.994.697	1.496.095.391	39.561.723	12.028.528.365
Tổng cộng	42.418.865.123	33.925.607.075	29.558.802.779	46.785.669.419

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	16.894.235.734	58.112.488.743
Lãi vay phải trả	4.854.745.846	4.623.674.870
Phí thuê văn phòng, nhà xưởng	8.329.066.135	7.555.517.772
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Khác	2.275.151.132	44.498.023.480
Dài hạn	44.488.229.193	1.794.693.736
Khác	44.488.229.193	1.794.693.736
Cộng	61.382.464.927	59.907.182.479

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.420.253.792	1.333.001.692
Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng	1.420.253.792	1.333.001.692
Dài hạn	-	-
Tổng cộng	1.420.253.792	1.333.001.692

5.19 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	42.879.832.646	55.611.297.638
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.257.988.040	4.257.988.040
Kinh phí công đoàn	884.907.399	936.441.209
Bảo hiểm xã hội	1.234.598.659	1.561.655.721
Bảo hiểm y tế	13.708.952	54.920.687
Bảo hiểm thất nghiệp	6.113.873	117.054.666
Nhận ký quỹ, ký cược	283.500.000	263.500.000
Phải trả cho lao động dôi dư	-	57.407.500
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	952.787.236
Phải trả phải nộp khác	23.294.015.723	34.504.542.579
Dài hạn	129.629.896.729	129.232.678.151
Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội {*}	118.000.000.000	118.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào {**}	9.531.600.000	9.531.600.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.098.296.729	1.701.078.151
Tổng cộng	172.509.729.375	184.843.975.789

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

{*}: Khoản tiền thu từ Công ty TNHH Nhà nước MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội ứng trước cho Công ty Dụng cụ số I để thực hiện dự án “Di chuyển, cải tạo và nâng cao năng lực sản xuất Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1: theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTĐT-TJC ngày 3/4/2009 về việc “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội”.

{**}: Khoản tiền Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào trả cho Công ty Dụng cụ số 1 do giảm phần diện tích sản xây dựng nhận được của Dự án “Xây dựng công trình hỗn hợp trung tâm thương mại dịch vụ và nhà ở tại số 108 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

5.20 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	271.932.424.157	221.003.890.219	287.779.765.050	236.851.231.112
Vay ngắn hạn (VND)	267.932.424.157	217.003.890.219	283.779.765.050	232.851.231.112
Vay ngân hàng	261.435.305.360	212.182.496.064	278.850.037.591	229.597.228.295
Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
Vay cá nhân	4.899.214.192	4.821.394.155	3.331.822.854	3.254.002.817
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Tông Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Vay dài hạn	914.096.819	914.096.819	1.335.987.659	1.335.987.659
Vay ngân hàng	914.096.819	914.096.819	1.335.987.659	1.335.987.659
Tổng cộng	272.846.520.976	221.917.987.038	289.115.752.709	238.187.218.771

Các khoản vay ngắn hạn được đánh giá không có khả năng trả nợ là các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và có liên quan đến vụ án đang được điều tra liên quan đến Ông Nguyễn Duy Xuyên. Cụ thể các khoản vay như sau:

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	49.252.809.296	-	49.252.809.296	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Đông Hà Nội {1}	24.262.809.296	-	24.262.809.296	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Nam Hà Nội {2}	24.990.000.000	-	24.990.000.000	-
Vay các tổ chức	1.597.904.605	-	1.597.904.605	-
Công đoàn Công ty	266.725.076	-	266.725.076	-
Công ty CP sản xuất thép Mitsui Vina	1.331.179.529	-	1.331.179.529	-
Vay cá nhân	77.820.037	-	77.820.037	-
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037	-	77.820.037	-
Tổng cộng	50.928.533.938	-	50.928.533.938	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

{1}: Vay của Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 160-11/2011/HĐTD ngày 30/06/2011, hạn mức vay là 50.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi (lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 21%/năm). Công ty đã đứng tên để vay vốn lưu động cho Xí nghiệp để kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay là cho vay không có tài sản đảm bảo thực hiện biện pháp bổ sung tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý và nhà cửa vật kiến trúc.

{2}: Vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201000188 ngày 31/05/2011 và Phụ lục số 01 ngày 08/09/2011 với hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng đến hết ngày 31/05/2012, tài sản thế chấp là hàng tồn kho theo Hợp đồng số 10/HĐTC/NHN-XNKTH ngày 22/04/2012. Khoản vay này theo giấy ủy quyền số 03/UQ ngày 02/03/2010 của Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Quang Trung, giấy ủy quyền này có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký. Lãi suất điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng theo số dư, lãi suất thời điểm ký hợp đồng là 19%/năm.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung không đánh giá được khả năng trả nợ của các khoản nợ trên do các khoản vay này đều liên quan đến vụ án xét xử ông Nguyễn Duy Xuyên.

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2018	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(12.479.875.256)	6.037.509.663	1.411.639.525.854
Lãi trong năm	-	-	-	5.392.473.001	32.429.570	5.424.902.571
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.349.692.706)	(17.472.943)	(4.367.165.649)
Giảm khác	-	-	-	(105.649.090)	-	(105.649.090)
Số dư ngày 31/12/2018	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(11.542.744.051)	6.052.466.290	1.412.591.613.686
Số dư ngày 01/01/2019	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(11.542.744.051)	6.052.466.290	1.412.591.613.686
Lãi trong năm	-	-	-	7.101.038.602	42.245.697	7.143.284.299
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(6.058.222.338)	(7.439.574)	(6.065.661.912)
Giảm khác	-	-	-	(1.964.549.924)	-	(1.964.549.924)
Số dư ngày 31/12/2019	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	649.783.409	(12.464.477.711)	6.087.272.413	1.411.704.686.149

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu

	Năm 2019	Năm 2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	875.475.119.736	864.278.118.174
Doanh thu bán thành phẩm	261.479.923.703	306.240.919.556
Doanh thu dự án	222.441.597.473	216.656.832.162
Doanh thu khác	536.962.615	766.926.461
Tổng cộng	1.359.933.603.527	1.387.942.796.353

6.02 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	813.101.044.629	809.897.883.402
Giá vốn của thành phẩm đã bán	234.903.076.030	277.588.178.287
Giá vốn công trình	209.017.916.164	204.367.799.421
Tổng cộng	1.257.022.036.823	1.291.853.861.110

6.03 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	18.458.180.480	20.097.145.474
Lãi chuyển nhượng vốn	1.149.915.781	61.909.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	399.332.400	366.128.662
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.830.003	95.587.508
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.990.424.450
Doanh thu hoạt động tài chính khác	58.405.131	161.824.541
Tổng cộng	20.137.663.795	22.773.020.528

6.04 Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.585.037.221	16.960.595.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá	417.216.393	300.312.278
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(695.252.300)
Chi phí khác	97.419.571	149.678.996
Tổng cộng	18.099.673.185	16.715.334.312

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6.05 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	889.913.887	1.575.293.338
Chi phí vật liệu quản lý	878.783.372	697.112.473
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	218.219.319	63.221.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.636.003.331	531.325.735
Chi phí bằng tiền khác	844.120.419	1.542.458.762
Chi phí bảo hành	19.093.063	17.890.851
Chi phí hoa hồng	73.276.757	273.399.798
Tổng cộng	4.559.410.148	4.700.702.553

6.06 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	47.510.539.695	40.817.172.445
Chi phí vật liệu, mua đồ dùng văn phòng	3.698.086.890	1.887.086.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.915.012.874	7.390.393.289
Thuế, phí, lệ phí	4.351.777.171	2.889.749.014
Dự phòng phải thu khó đòi	332.283.788	1.120.338.947
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(321.607.156)	(1.598.409.961)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.350.557.480	17.940.769.472
Chi phí bằng tiền khác	17.502.133.180	24.507.653.661
Tổng cộng	94.338.783.922	94.954.753.216

6.07 Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	239.718.031	587.363.635
Lãi trả chậm	-	500.000.000
TN về cho thuê máy móc và điện nước kèm theo	613.598.534	1.313.685.311
Các khoản nợ không phải trả	2.449.059.838	-
Tiền hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng	-	6.000.000.000
Khác	4.120.386.698	4.029.154.627
Tổng cộng	7.422.763.101	12.430.203.573

6.08 Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
GTCL của tài sản thanh lý	-	14.859.810
Phạt chậm nộp thuế	2.993.815.646	3.630.389.813
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	8.039.581
Phạt vi phạm hợp đồng	-	285.341.000
Chi phí điện, nước, khấu hao máy cho thuê	613.598.534	1.908.231.263
Các khoản khác	813.596.065	1.709.467.218
Tổng cộng	4.421.010.245	7.556.328.685

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

6.09 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.911.849.910	1.894.253.387
Tổng cộng	1.911.849.910	1.894.253.387

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	7.101.038.602	5.360.043.431
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	4.993.993.261	1.954.659.123
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.107.045.341	3.405.384.308
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	15	24

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

7. THÔNG TIN KHÁC**7.01 Thông tin về các bên liên quan**

Tên Công ty	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động	
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

7.02 Giao dịch với Bên liên quan

Lương và thù lao	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động 2.222.838.471	1.871.815.499

7.03 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu kỳ được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network, có phân loại lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Phần lãi hay lỗ trong công ty liên kết trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Cụ thể như sau:

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.018.190.729.978	1.018.179.432.641	11.297.337	
<i>I. Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>687.978.609.839</i>	<i>734.495.248.899</i>	<i>(46.516.639.060)</i>	
- Nguyên giá	222	973.066.608.161	1.023.285.538.050	(50.218.929.889)	{1}
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(285.087.998.322)	(288.790.289.151)	3.702.290.829	{1}
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	77.216.925.949	77.205.628.612	11.297.337	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	54.394.441.443	54.383.144.106	11.297.337	{2}
VI. Tài sản dài hạn khác	260	114.090.311.545	67.573.672.485	46.516.639.060	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	114.090.311.545	67.573.672.485	46.516.639.060	{1}
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.459.593.375.422	2.459.582.078.085	11.297.337	

NGUỒN VỐN	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	1.047.001.761.736	1.047.001.761.736	-	
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	55.611.297.638	56.564.084.874	(952.787.236)	{3}
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.815.017.665	4.862.230.429	952.787.236	{3}
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.412.591.613.686	1.412.580.316.349	11.297.337	
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.412.591.613.686	1.412.580.316.349	11.297.337	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	649.783.409	649.792.483	(9.074)	{4}
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421	(11.542.744.051)	(11.554.040.316)	11.296.265	{2+4}
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>(14.699.831.022)</i>	<i>(14.711.127.287)</i>	<i>11.296.265</i>	
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	6.052.466.290	6.052.456.144	10.146	{4}
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.459.593.375.422	2.459.582.078.085	11.297.337	

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Một số chỉ tiêu trên kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24	11.297.337	-	11.297.337	{2}
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.286.726.388	7.275.429.051	11.297.337	{2}
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.392.473.001	5.381.175.664	11.297.337	{2}
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62	5.360.043.431	5.348.746.094	11.297.337	{2}

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Chỉ tiêu	Mã số	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Chênh lệch	Ghi chú
1 Lợi nhuận trước thuế		7.286.726.388	7.275.429.051	11.297.337	{2}
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.985.687.026)	(5.974.389.689)	(11.297.337)	{2}

Nội dung điều chỉnh của Bảng cân đối kế toán:

{1}: Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội: phân loại Quyền thuê đất 50 năm (đã trả một lần cho cả thời gian thuê), nguyên giá 50.218.929.889 đồng, khấu hao lũy kế 3.702.290.829 đồng đang được theo dõi là Tài sản cố định vô hình sang Chi phí trả trước dài hạn.

{2}: Điều chỉnh lại Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết khi được bổ sung thêm tài liệu là Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty CP Thương mại Sài Gòn – Hà Nội. Tại ngày 01/01/2019, phần lỗ trong công ty liên kết là 2.018.110 đồng.

{3}: Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội: Quỹ khen thưởng, phúc lợi đang được theo dõi ở Tài khoản 338 - Phải trả khác, chuyển sang theo dõi trên Tài khoản 353 – Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

{4}: Điều chỉnh số lẻ do tỷ lệ phần trăm sở hữu của mẹ trong con tại ngày đầu kỳ chưa được làm tròn đến hàng đơn vị.

Người lập biểu

TB. Tài chính Kế toán

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hữu Hiền

Trần Thị Thu Trang

Nguyễn Khắc Hải